

Tiến trình 55 năm Khoa Ngữ Văn và 15 năm Khoa Ngôn ngữ học

**NGÀNH NGÔN NGỮ HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN, ĐHQG HÀ
NỘI:
55 NĂM NGHIÊN CỨU KHOA HỌC PGS.TS. Nguyễn
Hùng Cường**

Ngành Ngôn ngữ học của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHKHXHNV), Đại học Quốc gia Hà Nội đã trải qua gần nửa thế kỷ (55 năm) xây dựng và phát triển. Từ một bộ môn của Khoa Ngữ Văn, Trường Đại học Tổng hợp (ĐHTH) Hà Nội (1956-1996) đến nay là Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXHNV (1996-2011). Trong 55 xây dựng và phát triển, bên cạnh những thành tựu đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, các cán bộ giảng viên của Bộ môn Ngôn ngữ học trường này và Khoa Ngôn ngữ học hiện nay, đã nỗ lực nghiên cứu và đạt được nhiều thành tựu khoa học đáng tự hào. Để ghi nhận một cách đầy đủ nhất những phát triển, bài viết này sẽ cố gắng tổng kết lại những thành tựu nghiên cứu khoa học chủ yếu của Ngành Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXHNV Hà Nội trong 55 năm qua. Phạm vi tổng kết của bài viết là các công trình nghiên cứu (báo cáo khoa học, bài tạp chí, sách đã được xuất bản) của các cán bộ giảng viên đã từng công tác tại Bộ môn Ngôn ngữ học của Khoa Ngữ Văn trước đây hoặc đã và đang công tác ở Khoa Ngôn ngữ học, Trường ĐHKHXHNV hiện nay, kể cả những người do nhu cầu xây dựng và phát triển đã chuyển sang làm việc ở các cơ quan khác. Ngoài phần kết luận, nội dung tổng kết của bài viết bao gồm các thành tựu khoa học của Bộ môn và Khoa trong 7 lĩnh vực nghiên cứu chủ yếu sau đây:

1. Các nghiên cứu về ngữ âm và từ vựng tiếng Việt. 2. Các nghiên cứu về ngữ pháp, ngữ nghĩa, ngữ dụng tiếng Việt.

3.

Các nghiên cứu về phong cách học và phương pháp ngữ tiếng Việt.

4.

Các nghiên cứu về lịch sử tiếng Việt.

5.

Các nghiên cứu về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam.

6.

Các nghiên cứu về ngôn ngữ học địa phương và khu vực.

7.

Các nghiên cứu về lí luận ngôn ngữ.

8.

Các nghiên cứu về ngữ pháp ngôn ngữ học và Văn học.

1. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ NGỮ ÂM VÀ TỪ vựng tiếng Việt
1.1. Về ngữ âm tiếng Việt Nói đến những thành tựu nghiên cứu về ngữ âm tiếng Việt của các nhà Việt ngữ học bộ môn Ngôn ngữ học trước đây và Khoa Ngôn ngữ học hiện nay, có thể nhắc tên hàng chục công trình đáng công bố trong mấy chục năm qua của Cao Xuân Hạo (*Bàn về cách ghi âm và học mặt số về nguyên âm trong tiếng Việt*, 1962, *Vấn đề âm trong tiếng Việt* - “The Problem of phoneme in Vietnamese”, 1975; *Âm học và tuyến tính – Phonologie et linéarité*, 1985), của Nguyễn Hàm Đan (Âm điệu trong tiếng Việt - mặt đối diện và tính hiện thực),

1964;

Âm vị phân đoan và không phân đoan,

1987), Nguyễn Phan Cảnh (

Vài ý kiến về giới thiệu âm vị học các phương âm cụ thể trong tiếng Việt hiện đại,

1964:

Bàn về cấu trúc âm tiết tính của ngôn ngữ: Dẫn luận vào một miêu tả không phân lớp đối với âm vị học Việt Nam

, 1978), Đoàn Thiệu Thu (

Đóng góp vào việc giới thiệu đa tiết bản ngữ âm trong tiếng Việt, 1964, Ngữ âm tiếng Việt,

1977), Đinh Lê Thọ (

Bàn về âm tiết thanh hữu mẫu đối âm tiết tiếng Việt

, 1982,

Số hiện tượng hoá và một ngữ âm của thể đối lập hữu thanh – vô thanh của phụ âm đầu trong tiếng Việt

, 1986),

Đoàn Thiệu Thu (Ngữ điệu tiếng Việt số khảo, 2009)

v.v. Trong số các công trình đó,

Ngữ âm tiếng Việt

của Đoàn Thiệu Thu (1977) và

Âm vị học và Tuy nhiên tính

của Cao Xuân Hạo (1985) là hai công trình gây được ảnh hưởng sâu rộng trong giới học thuật.

Ngữ âm tiếng Việt

của Đoàn Thiệu Thu, là nền tảng tình hình nghiên cứu về ngữ âm tiếng Việt có được “một số tiếng kể toàn diện”, “đi theo hướng nghiên cứu phương Đông, tiến độ ngữ pháp kể từ quy tắc nghiễm, và cũng cần nhắc và đưa ra giới pháp âm vị học từ đầu dùng cho việc miêu tả” hệ thống ngữ âm tiếng Việt với một hệ thống âm vị gồm với vị trí của chúng trong cấu trúc 4 thành tố của âm tiết tiếng Việt. (

Lưu ý về Việt ngữ học

, Nguyễn Thiệu Giáp 2005: 152). Với lập luận chặt chẽ, cách trình bày sáng rõ, có khả năng lí thuyết âm vị học châu Âu, kể từ học vị lí luận Phương Đông và thực tiễn tiếng Việt, cho đến nay

Ngữ âm tiếng Việt

của Đoàn Thiệu Thu vẫn là giáo trình ngữ âm tiếng Việt có uy tín nhất trong chương trình đào tạo của Khoa Ngôn ngữ học và các khoa Ngữ Văn ở nhiều trường đại học khác. Tuy nhiên góc nhìn khác, cho rằng âm tiết tiếng Việt là một chỉnh thể và không có cấp số nào với một chỉnh thể âm thanh cũng như một chỉnh thể năng cho phép phân chia nó thành 4 yếu tố đo lường tính, Cao Xuân Hạo đã đưa xuất quan niệm “âm vị học phi đo lường tính trong tiếng Việt”. Theo Cao Xuân Hạo, mức độ khác nhau với một phân đo lường ngữ xét với một chỉnh thể năng, âm tiết trong tiếng Việt có chức năng năng động như âm vị trong các ngôn ngữ châu Âu. Nói cách khác, âm vị trong tiếng Việt là loại âm vị phi đo lường tính hay “đại âm vị” (macro phoneme), khác với âm vị trong các ngôn ngữ châu Âu là âm vị đo lường tính hay là “tiểu âm vị” (micro phoneme). Quan niệm “âm vị học siêu đo lường tính” của Cao Xuân Hạo được trình bày lần đầu trong

Vấn đề âm vị trong tiếng Việt

(The problem of phoneme in Vietnamese, 1975) và sau đó trong

Âm vị học và Tuy nhiên tính (

Phonologie et Linéarité, 1985) đã gây được tiếng vang lớn trong giới nghiên cứu ngữ âm học trong và ngoài nước.

Bên cạnh các vấn đề về ngữ âm tiếng Việt, các vấn đề liên quan đến chữ viết và chính tả tiếng Việt cũng thu hút sự chú ý của nhiều người: Nguyễn Kim Thản viết

Nhân vấn đề chữ viết trong chữ quốc ngữ,

1960,

Từ điển chính tả thông dụng tiếng Việt,

1974,

Sổ tay chính tả,

1979. Phan Ngọc

Giải thích cách chia bài chính tả bằng con đường từ vựng

, 1981,

Chia bài chính tả cho học sinh

, 1982. Đoàn Thiệu N Thuộc bàn viết

Hình thức văn bản của âm điệu trong âm thanh tiếng Việt và việc dạy chúng cho lớp mầm trẻ mầm non phổ thông

, 1989, v.v..

1.2. Từ vựng tiếng Việt Cùng với ngữ âm, từ vựng tiếng Việt cũng là lĩnh vực được các nhà Việt ngữ học ở Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học đi tiên phong nghiên cứu và đề xuất nhiều, với các công trình mở đầu của Nguyễn Văn Tu và sau đó là Nguyễn Thiệu Giáp. Trong các công trình đầu tiên và tiếp theo của Nguyễn Văn Tu về từ vựng tiếng Việt như phần

Từ vựng học

trong Khái luận Ngôn ngữ học (1961),

Từ vựng học tiếng Việt hiện đại

(1968),

Từ và vốn từ tiếng Việt

(1976), các vấn đề từ, nhận diện từ, cấu tạo ngữ nghĩa của từ, quan hệ ý nghĩa, nguồn gốc và phạm vi sử dụng của vốn từ tiếng Việt đã được đề cập, phân tích và mô tả một cách chi tiết, đặt nền móng cho sự ra đời môn Từ vựng học tiếng Việt ở Việt Nam nói chung và ở Trường ĐHTH/KHXHNV nói riêng. Tiếp theo đó, kế thừa những thành tựu nghiên cứu của Nguyễn Văn Tu và của nhiều học giả khác, Nguyễn Thiệu Giáp đã có những nghiên cứu sâu sắc, khoa học

và có hệ thống về từ vựng tiếng Việt qua các công trình

Từ vựng tiếng Việt (

1975) và

Từ vựng học tiếng Việt

(1985) được giới nghiên cứu về từ vựng học đánh giá cao. Ngoài ra, nội dung từ vựng học cũng được đề cập đến trong hầu hết các công trình

Đictionnaire de la langue vietnamite

do cán bộ, giảng viên Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học biên soạn (xem mục 7).

Cùng với việc nghiên cứu hệ thống từ vựng tiếng Việt, các nhà nghiên cứu còn đi sâu khảo sát các nhóm từ vựng ngữ nghĩa như trong hệ thống từ vựng như các nhóm từ đồng âm (Nguyễn Thiệu Giáp:

Một vài suy nghĩ về hiện tượng đồng âm trong tiếng Việt,

1971), đồng nghĩa (Nguyễn Văn Tu:

Từ điển tiếng Việt, 1980,
 Các nhóm từ tiếng Việt, 1982), thành ngữ (Nguyễn Thiệp Giáp: *Vấn đề thành ngữ trong tiếng Việt*, 1975), từ ngữ Hán - Việt (Nguyễn Thiệp Giáp – Vũ Đức Nghiệu: *Sách tay Hán - Việt từ điển học*, 1999), v.v.



GS. Nguyễn Tài Cẩn, nhà khoa học đầu đàn của ngành Ngôn ngữ học
CỦA VIỆN NGỮ PHÁP, NGỮ NGHĨA, NGỮ DẠNG TIẾNG VIỆT

2. CÁC NGHIÊN

2.1. Về ngữ pháp tiếng Việt

Một bình diện Việt ngữ học khác ghi đậm dấu ấn các thành tựu nghiên cứu của Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học là ngữ pháp tiếng Việt, trên cơ sở hai cấp độ từ pháp và cú pháp.

2.1.1. Cơ sở từ pháp

, có thể thấy các vấn đề liên quan đến từ vựng và các kiểu cấu trúc từ tiếng Việt được thể hiện sâu sắc và đa dạng qua các công trình nghiên cứu của Nguyễn Kim Thôn (*Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt - T1, 1963*)
 , Nguyễn Tài Cẩn (*Ngữ pháp tiếng Việt: Từ ngữ - từ ghép - đoàn ngữ*, 1975), Cao Xuân Hạo (*Vấn đề ngữ pháp ngôn ngữ học của tiếng*, 1985,

Chức năng danh và động từ của từ

, 1985), Nguyễn Thiệu Giáp (

Từ và nhận diện từ trong tiếng Việt, 1996

), trong đó có nhiều hướng đi mới về các nhà ngữ pháp tiếng Việt là các nghiên cứu của Nguyễn Tài Cẩn, đặc biệt là công trình

Ngữ pháp tiếng Việt: Từ ngữ - từ ghép - động từ ngữ

(1975)

Trong công trình này, tiếp thu quan niệm của các nhà Đông phương học Xô Viết về khái niệm hình từ

(morphosyllabeme), Nguyễn Tài Cẩn đã xác lập cho

từ ngữ

của tiếng Việt chức năng của một đơn vị ngữ pháp, từ ngữ từ như hình vị (morpheme) trong các ngôn ngữ châu Âu, để mô tả một cách hệ thống các kiểu cấu tạo tiếng Việt. “Chính việc đề xuất áp dụng và minh định giá trị ngữ pháp của "từ ngữ" đã tạo nên bước chuyển biến có tính bản lề,

đem đến những đổi mới sâu sắc trong nhận thức của giới Việt ngữ học nói chung khi miêu tả từ ngữ Việt, khiến việc miêu tả cấu trúc tiếng Việt từ động từ trở nên sát thực, đúng với cái nó vốn là như thế thật

. Còn cấu trúc danh ngữ tiếng Việt được miêu tả trong công trình này (áp dụng phương pháp miêu tả theo vị trí phân bố) thì đã góp phần củng cố tiến và thay đổi nhận thức trong việc phân định từ loại, một việc rất quan trọng của nghiên cứu và miêu tả ngữ pháp” (Vũ Đức Nghiệu, 2011). Từ đây đã hình thành nên quan niệm nghiên cứu cấu tạo tiếng Việt dựa vào đơn vị

từ ngữ

, từ ngữ được gọi là quan niệm của Địch học Từ ngữ học, sau đó được phát triển xa hơn trong các công trình nghiên cứu của Cao Xuân Hạo và Nguyễn Thiệu Giáp trong đó

từ ngữ

không chỉ có chức năng như hình vị mà thậm chí còn có “một vị trí từ ngữ động từ vị

trở

trong các ngôn ngữ Âu châu” (Cao Xuân Hạo).

Một vấn đề khác bình diện từ pháp cũng thu hút sự chú ý của các nhà Việt ngữ học của Bộ môn/Khoa là vị trí từ loại tiếng Việt, với các bước phân định từ loại được lập luận của Nguyễn Kim Thôn và Nguyễn Tài Cẩn. Như nhà Ngữ văn Nguyễn Kim Thôn (1963) phân định từ loại tiếng Việt dựa trên mặt tiếp hợp của cả hai tiêu chí là ý nghĩa khái quát và quan hệ cú pháp thì Nguyễn Tài Cẩn (1975) lại chỉ dựa vào các tiêu chí ngữ pháp thuần túy là khả năng từ chức động từ (tiêu chí chủ yếu) và khả năng từ chức mệnh đề (tiêu chí bổ sung) để phân định từ loại tiếng Việt, và như đó vạch ra được các ranh giới khá rõ ràng về các từ loại và tiểu loại trong tiếng Việt. Các quan niệm về từ loại của Nguyễn Tài Cẩn và Nguyễn Kim Thôn đã được tiếp thu và phát triển trong các công trình nghiên cứu sau đó của Đinh Văn Đức là

Ngữ pháp tiếng Việt - Từ loại

(1986) và

Các bài giảng về pháp tiếng Việt

-

Từ loại và bình diện chức năng,

(2010). Hai công trình này của Đinh Văn Đức đã tiếp cận đến vấn đề từ loại tiếng Việt một cách

học thuật và chuyên sâu, trong đó từ loại tiếng Việt không chỉ được phân loại một cách khoa học mà còn được mô tả một cách cặn kẽ về bản chất từ loại, thái độ và chức năng ngữ pháp, thể hiện qua vai trò của chúng trong cấu trúc đơn ngữ. Về vấn đề phân định từ loại cũng được Nguyễn Hân Ngọc Cầm đề cập đến trong bài báo

Vấn đề phân định từ loại trong tiếng Việt

(2003), với cách phân loại hoàn toàn dựa vào chức năng của từ.

Không chỉ quan tâm đến vấn đề phân định và mô tả học thuật từ loại tiếng Việt, các nhà nghiên cứu ở Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học còn quan tâm đến việc mô tả đặc điểm ngữ pháp và hoạt động của các từ loại, tiêu chuẩn hay ngữ, với nhiệm vụ công trình nghiên cứu chuyên sâu, gây được sự chú ý của Nguyễn Tài Cầm (

Từ loại danh từ trong tiếng Việt hiện đại

, 1975), Nguyễn Kim Thôn (

Động từ trong tiếng Việt

, 1977), Nguyễn Lai (

Nhóm từ chỉ hướng và vấn đề ngữ trong tiếng Việt

, 1990), hoặc các bài viết của Nguyễn Văn Chính về các hình thức thể loại

mà

(2000),

đã

(2001),

và

và

mới

(2002),

có

(204),

không

(2005), v.v. Đặc biệt, các công trình của Cao Xuân Hạo về cách phân loại các danh từ đơn vị

và danh từ kép trong tiếng Việt (

Hai loại danh từ của tiếng Việt,

1980;

Sự phân biệt đơn vị /khái niệm trong tiếng Việt và khái niệm loại từ,

1988), về cấu trúc ngữ đơn vị (

Vấn đề cấu trúc danh ngữ trong tiếng Việt,

1998;

Ngữ đơn vị và cấu trúc của ngữ đơn vị

, 1998) đã đưa ra những cách tiếp cận mới cho các vấn đề học.

2.1.2. Về cấp độ cú pháp, các nhà ngôn ngữ của Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học cũng đã công bố hàng loạt công trình nghiên cứu về cú pháp tiếng Việt từ các góc nhìn lý thuyết khác nhau:

Nghiên cứu

Ngữ pháp tiếng Việt, T2

(1964) của Nguyễn Kim Thôn như học sâu sắc lý thuyết “tự trị” của Nga,

Ngữ pháp tiếng Việt

(1975, bằng tiếng Nga) của Nguyễn Tài Cầm và các đồng tác giả (I.X Bystrov và N.V

Stankievich),

Ngữ pháp tiếng Việt – Câu

(1980) của Hoàng Trọng Phiến dung hoà giữa ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp cấu trúc, *Nghiên*

cấu trúc ngữ pháp tiếng Việt trên quan điểm tiếng bản có hai nhân

của Lưu Văn Lăng (1970) bước đầu xu hướng lý khai với cấu trúc chủ - vị,

Thành phần câu tiếng Việt (1998)

của Nguyễn Minh Thuyết và Nguyễn Văn Hiệp nghiêng theo lý thuyết thành phần câu của S.E Jakhontov,

Tiếng Việt – Sơ thảo Ngữ pháp chức năng

(1991) của Cao Xuân Hạo theo đường hướng của Ngữ pháp chức năng,

Cú pháp tiếng Việt

(2009) của Nguyễn Văn Hiệp theo cách tiếp cận của Ngữ pháp ngữ nghĩa. Nhìn chung sau đây của Nguyễn Văn Hiệp (2009) với số lượng hàng loạt các lý thuyết cú pháp của thế giới đi với việc nghiên cứu cú pháp Việt Nam “Có thể nói hầu hết các lý thuyết cú pháp quan trọng của thế giới đi đã có ảnh hưởng nhất định đến việc nghiên cứu cú pháp tiếng Việt từ một góc độ nào đó” cũng hoàn toàn đúng với việc các nghiên cứu cú pháp tiếng Việt ở Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học, nó cho thấy sự gắn kết giữa các nhà ngôn ngữ học của Bộ môn/Khoa với các trường phái ngôn ngữ học hiện trên thế giới ngay cả trong những hoàn cảnh khó khăn nhất.

Mặc dù các công trình nghiên cứu trên đây có giá trị khoa học khác nhau, nhưng tu theo giai đoạn lịch sử của mình, mỗi công trình đều đóng góp vào nền học thuật trong dòng chảy nghiên cứu cú pháp tiếng Việt, trong đó, có thể nói, mặc dù gây nhiều tranh cãi nhưng

Tiếng Việt – Sơ thảo Ngữ pháp chức năng

của Cao Xuân Hạo là công trình có tầm ảnh hưởng rất nhất. Điểm khác biệt của công trình này là cách tiếp cận theo hướng Ngữ pháp chức năng đi với cú pháp tiếng Việt với tinh thần chủ trương “dĩ Âu vi trung”, sự đóng góp cấu trúc chủ - vị thuyết mô tả cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt thay cho cấu trúc chủ - vị truyền thống, với chủ phù hợp với cú pháp của các ngôn ngữ châu Âu. Trên mặt hướng khác, công trình

Cú pháp tiếng Việt

mới xuất bản gần đây (2009) của Nguyễn Văn Hiệp mô tả cú pháp tiếng Việt dưới góc độ Ngữ pháp ngữ nghĩa cũng là một công trình đáng giá cao, đặc biệt là với phương pháp xác định, phân loại và mô tả các thành phần câu tiếng Việt, mặc dù tác giả vẫn nghiêng theo hướng sự đóng góp cấu trúc chủ - vị với những cái biên nhất định. Có thể nói các nhà nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt của Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học đã tiếp nhận các lý thuyết ngôn ngữ học và phương pháp nghiên cứu của thế giới khá cởi mở và biết cách ứng dụng vào thực tiễn tiếng Việt

Ở cấp độ trên câu, đáng chú ý là các nghiên cứu của Trần Ngọc Thêm với đo lường văn, văn bản và liên kết văn bản trong đó

Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt

(1985) của Trần Ngọc Thêm được coi là công trình nghiên cứu có hệ thống đầu tiên về ngữ pháp văn bản tiếng Việt, mở đường cho các nghiên cứu về văn bản và diễn ngôn sau này, mà một trong số đó là

Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt

của Nguyễn Thị Việt Thanh (1999).

Ngoài các công trình nghiên cứu có tính hệ thống về cú pháp tiếng Việt, các nhà Ngôn ngữ học của Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học cũng đi sâu khảo sát các kiểu cấu trúc hay kiểu câu có thể của tiếng Việt, góp phần làm sáng rõ bức tranh cú pháp tiếng Việt:

Cấu trúc “Danh + là + Danh

” (Nguyễn Đức Dân, Trăn Ngọc Thêm),

Câu không chủ ngữ và bị ngữ đảo ngữ

(Nguyễn Minh Thuyết, 1981),

Một kiểu câu có chủ ngữ đảo ngữ sau vị ngữ

(Nguyễn Minh Thuyết, 1983),

Cấu trúc thông báo của câu tiếng Việt

(Nguyễn Hoàng Cấn, 2001),

Phân tích câu đơn tiếng Việt theo cấu trúc Đ - Thuyết

(Đào Thanh Lan, 2002),

Vị ngữ câu bị đảo ngữ trong tiếng Việt

(Nguyễn Hoàng Cấn, 2004),

Ngữ pháp tiếng Việt – Câu đơn hai thành phần

(Nguyễn Cao Đàm, 2008), v.v.

2.2. Về ngữ nghĩa, ngữ dụng tiếng Việt Bình diện ngữ nghĩa - ngữ dụng tiếng Việt cũng có nhiều nghiên cứu có giá trị trên cơ sở hai cấp độ nghĩa của từ và nghĩa của câu.

Những nghiên cứu về nghĩa của từ tiếng Việt có thể tìm thấy trong hầu hết các giáo trình từ vựng học của Nguyễn Văn Tu, Nguyễn Thiệp Giáp (đã dẫn ở mục 1.1) và phần từ vựng học trong các giáo trình Dictionnaire ngôn ngữ học (xem mục 7 ở dưới), trong đó nghĩa của từ tiếng Việt đã được phân loại và mô tả trên nhiều phương diện: thành tố nghĩa (nghĩa biểu vật, nghĩa biểu niệm, nghĩa ngữ dụng, nghĩa kết cấu), số lượng ngữ nghĩa (đơn nghĩa, đa nghĩa), quan hệ nghĩa (đồng nghĩa, gần nghĩa, trái nghĩa), chuyển ngữ nghĩa (từ đồng, hoán dụ)... Gần đây, Lê Quang Thiêm đã công bố những nghiên cứu đáng chú ý về nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ nói chung và nghĩa từ vựng của từ tiếng Việt nói riêng qua các bài báo

Những bậc thang trong kiến trúc nghĩa của tín hiệu ngôn ngữ

(2005),

Các tầng ngữ nghĩa và kiểu ngữ nghĩa chức năng từ vựng

(2006), trình bày một cách có hệ thống trong chuyên khảo

Ngữ nghĩa học

(2007). Về nghĩa ngữ pháp của từ, đáng chú ý là các nghiên cứu về

Ngữ nghĩa của nhóm từ chức năng vị ngữ tiếng Việt

của Nguyễn Lai (2001), ngữ nghĩa và lôgic của các hệ từ tiếng Việt của Nguyễn Đức Dân (

Phân nh và bác bỏ

, 1983,

Ngữ nghĩa của các từ hư

1984, Lô

gích - ngữ nghĩa – cú pháp

1987,

Lô gích của các từ nối,

1994,

Lô gích và tiếng Việt

, 1996, vv), ngữ nghĩa - ngữ dụng của các hình thức và tiếng Việt của Lê Đông (*Ngữ nghĩa - ngữ dụng của các hình thức tiếng Việt* , 1991, 1992), v.v.

Bình diện ngữ nghĩa - ngữ dụng của câu tiếng Việt là bình diện thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu ở Bộ môn/Khoa Ngôn ngữ học. Nhiều nhà nghiên cứu các công trình Ngữ pháp tiếng Việt cho rằng hình thức của Ngữ pháp truyền thống (Nguyễn Kim Thôn 1964, Nguyễn Tài Cẩn 1975, Hoàng Trọng Phiến 1980), vốn dĩ nghĩa của câu thường được hoà tan trong việc phân loại và mô tả câu theo cấu trúc thông báo, thì trong các công trình cho rằng hình thức của các khuynh hướng chức năng và ngữ nghĩa sau này, nghĩa của câu được phân tích mô tả trên nhiều bình diện khác nhau. Bởi qua sự đổi mới ngữ nghĩa - ngữ dụng, có thể thấy

trong Tiếng Việt: Sự thay đổi Ngữ pháp chức năng

(1991), Cao Xuân Hạo (1991) đã phân biệt tất cả 5 kiểu nghĩa khác nhau của câu là: nghĩa biểu hiện (thể hiện qua khung văn ngữ), nghĩa lô gích – ngôn từ (thể hiện bằng cấu trúc đề - thuyết), nghĩa tình thái (thể hiện bằng các phó ngữ tình thái), hành động ngôn ngữ (biểu hiện bằng các phó ngữ tình thái đánh dấu đích ngôn ngữ) và tiêu đề thông báo (thể hiện qua cấu trúc thông báo của câu). Trong

Cú pháp tiếng Việt

(2009), Nguyễn Văn Hiệp phân biệt 6 kiểu nghĩa/thông tin của câu như sau: hai bình diện: bình diện nghĩa học có nghĩa sự tình (tức nghĩa biểu hiện), nghĩa tình thái (không bao gồm tình thái ngôn ngữ), nghĩa chức năng (tức ngữ văn nghĩa lô gích – ngôn từ của Cao Xuân Hạo); bình diện ngữ dụng học có thông tin phân đo lường (nêu-báo), nhận mệnh – tiêu đề thông báo và lời ngôn ngữ (hành động ngôn ngữ). Các công trình này của Cao Xuân Hạo và Nguyễn Văn Hiệp thực sự đã đánh dấu một bước phát triển mới trong việc nghiên cứu về các bình diện ngữ nghĩa - ngữ dụng của câu tiếng Việt.

Các vấn đề ngữ nghĩa - ngữ dụng khác như hành động ngôn ngữ, hàm ngôn, tình huống, phân tích hình thức, lập luận v.v được giới thiệu và ứng dụng phân tích trên ngữ liệu tiếng Việt trong các công trình của Nguyễn Đức Dân (

Lô gích và tiếng Việt

, 1996;

Ngữ dụng học T1,

1998), Nguyễn Thiệp Giáp (

Động học Việt ngữ

, 2000). Đặc biệt là các nghiên cứu của Lê Đông về các khía cạnh ngữ

nghĩa - ngữ dụng của cấu trúc đề thuyết

(1993),

ngữ nghĩa - ngữ dụng của hình thức nhận mệnh

(1995)

và câu hỏi chính danh

(1996); của Nguyễn Văn Hiệp về

tình thái và các từ tình thái

(2005, 2007),

hàm ngôn quy phạm

(2006) và

nghĩa chức năng của câu tiếng Việt (2006);

của Nguyễn Hòng Cấn và

cấu trúc thông tin (2001), tiêu đề m thông tin (2004) và các biện pháp cú pháp của câu

(2009, 2010), của Đào Thanh Lan và các khía cạnh ngữ

pháp-ngữ nghĩa của lời cầu khiến tiếng Việt

(2005, 2007, 2010).

3. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ PHONG CÁCH HỌC VÀ PHONOLOG NGỮ TIẾNG VIỆT 3.1. Về phong cách học tiếng Việt

Đầu tiên coi là một lĩnh vực quan trọng của Việt ngữ học, gắn liền với các biện pháp chức năng của tiếng Việt và rất gần gũi với văn học. Ngay từ những năm đầu tiên của Khoa Ngữ Văn, phong cách học đã được các môn Ngôn ngữ học đưa vào giảng dạy và nghiên cứu, khai thác

Giáo trình Phong cách học

của Phan Ngọc và sau đó là

Giáo trình Tu từ học

của Nguyễn Phan Cấn (1959),

Phong cách học tiếng Việt hiện đại

của Hoàng Trọng Phiến (1973). Trên cơ sở kế thừa và phát triển những thành tựu đầu tiên này, Nguyễn Hòng Cấn đã cho ra đời các giáo trình

Phong cách học tiếng Việt hiện đại

(1999),

Phong cách học và các phong cách chức năng tiếng Việt

(2000), được đăng trên tạp chí trong và ngoài Trường ĐHKHXHNV.

Không chỉ đóng vai trò biên soạn giáo trình và giảng dạy, các nhà phong cách học tiếng Việt của Bộ môn/Khoa còn thực hiện nhiều nghiên cứu chuyên sâu về các biến thể phong cách chức năng khác nhau của tiếng Việt, đặc biệt là ngôn ngữ nghệ thuật và ngôn ngữ đóng góp có giá trị:

Tìm hiểu phong cách ngôn ngữ của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

của Phan Ngọc (1985),

Ngôn ngữ thơ

của Nguyễn Phan Cầm (1988),

Ngôn ngữ và sáng tạo văn học

của Nguyễn Lai (1991),

Văn thơ Việt Nam dưới ánh sáng của ngôn ngữ học hiện đại

của Mai Ngọc Chấn (1991),

Ngôn ngữ thơ ca

(1993) và

Ngôn ngữ thơ Việt Nam

(1996) của Nguyễn Huệ Đệ, v.v.

Ngôn ngữ báo chí và các phương tiện truyền thông cũng thu hút sự quan tâm của Đinh Văn Đức (

Quan hệ trong đời ngôn báo tin chính trị - xã hội trong báo tiếng Anh và tiếng Việt, 1999;

Ngôn ngữ báo chí tiếng Việt dưới thế kỷ XX: Một quan sát về ngôn ngữ báo chí cách mạng Việt Nam

(giai đoạn 1925-1945), 2000), Nguyễn Thiệp Giáp (

Các bài viết về ngôn ngữ báo chí trên báo Nhân dân và nhiều tờ báo khác).

- Phong cách ngôn ngữ của các nhà văn hoá lớn như Nguyễn Du, Hồ Chí Minh cũng được đề cập đến từ nhiều góc độ khác nhau trong các công trình nghiên cứu của Phan Ngọc (

Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong Truyện Kiều

, 1985) Nguyễn Phan Cầm (

Bài học từ tìm hiểu ngôn ngữ chính thức Hồ Chí Minh, 1965;

Văn trong Truyện Kiều của Nguyễn Du,

1969, vv); Nguyễn Lai (

Chức năng sâu sắc duy và tầm nhìn cách mạng trong ngôn ngữ Hồ Chí Minh

, 1989;

Hồ Chí Minh và sự phát triển của tiếng Việt

, 1998;

Tiếng Việt và nhà văn hoá lớn Hồ Chí Minh, 2003

), Nguyễn Thiệp Giáp (

Những bài học về cách chính thức Hồ Chí Minh sử dụng thành ngữ, 1988

) Nguyễn Huệ Đệ (

Tính sáng tạo và phong cách dùng chữ “Xuân” của Nguyễn Du qua tác phẩm Truyện Kiều 2002,
Độc đáo của phong cách thơ cổ điển trong thơ Hồ Chí Minh,
2005) v.v.

3.2 Về phong cách thơ Việt Bên cạnh các biện pháp phong cách chủ yếu, các phong cách thơ cổ điển và phong cách thơ xã hội với cách là các biện pháp cổ điển và biện pháp xã hội của thơ Việt cũng thu hút sự chú ý của nhiều nhà nghiên cứu. Người khởi đầu và có công hiệu nhất trong việc nghiên cứu các phong cách thơ cổ điển Việt là Hoàng Thanh Châu, tác giả của các công trình nghiên cứu về phong cách thơ Việt như:

Việt trên các miền đất nước

(1989),

Phong cách thơ hiện đại

Việt (2005). Trong các công trình này, độc giả biết là

Phong cách thơ Việt,

tác giả đã đưa xuất tiêu chí phân vùng các phong cách thơ Việt một cách khoa học, mô tả độc đáo của các phong cách cũng như tìm ra các qui luật biến đổi theo vùng, miền của thơ Việt. Cho đến nay, công trình trong nước và ngoài đây là công trình nghiên cứu duy nhất và cũng là giáo trình đầu tiên duy nhất về phong cách thơ Việt.

Ngoài phong cách cổ điển, các văn bản phong cách cổ điển – xã hội của thơ Việt cũng được đề cập đến trong các nghiên cứu của Nguyễn Kim Thôn (

Lối ăn thơ nói của người Hà Nội,
1982;

Văn thơ nói vùng đồng bằng sông Cửu Long,

1984) và gần đây nhất là Trần Cẩm Lan với công trình

Sự biến đổi ngôn ngữ của các công thức chủ đề thơ dân tộc (nghiên cứu trên ngôn ngữ thơ ca dân tộc Việt Nam) Hà Nội, 2007,

tiếp cận đến văn bản phong cách cổ điển – xã hội từ góc nhìn ngôn ngữ học xã hội.

4. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ LỊCH SỬ THƠ VIỆT

□□□□□□□□

Kể từ thành tựu của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước, trong mấy chục năm qua các nhà Việt ngữ học ở Bộ môn/Khoa coi lịch sử thơ Việt là một trong những tiêu điểm nghiên cứu, tập trung trên 2 văn bản chính là 1) xác định các nguồn và các giai đoạn phát triển của thơ Việt, và 2) nghiên cứu các giai đoạn phát triển và một số bình diện, trạng thái của thơ Việt ở các giai đoạn khác nhau.

Văn bản thơ nhất chủ yếu được đề cập đến trong một số công trình của Phạm Đức Dương (

Văn minh quan hệ ngôn ngữ của các ngôn ngữ nhóm Việt - Mường,
1979; Nguyễn

Giới thiệu Việt: từ Việt Mường đến Việt Mường chung,
1983), Nguyễn Tài Cẩn (

Thị phân kỳ lịch sử 12 thế kỷ của tiếng Việt, 1998

), Trần Trí Dõi (

Vai trò phân định các giai đoạn lịch sử trong quá trình phát triển của tiếng Việt, 2004;

Giáo trình lịch sử tiếng Việt (sơ thảo)

, 2005). Trong số này,

Giáo trình lịch sử tiếng

Việt (sơ thảo) của Trần Trí Dõi (2005) là công trình đầu tiên trình bày một cách có hệ thống các vấn đề liên quan đến cơ sở ngữ pháp tiếng Việt trong mối quan hệ với các ngôn ngữ cùng nhóm và các ngôn ngữ khu vực, phân định và lập các khung các giai đoạn phát triển của tiếng Việt trong lịch sử, đồng thời định nghĩa một giáo trình mới.

Vấn đề thứ hai thu hút nhiều học giả chú ý của các nhà nghiên cứu, với hàng loạt các công trình bao phủ nhiều vấn đề cơ bản của lịch sử tiếng Việt, từ lịch sử ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và các vấn đề lịch sử ngôn ngữ - văn hoá và tiếp xúc ngôn ngữ.

- Về lịch sử ngữ âm tiếng Việt, nổi bật là các công trình

Ngữ âm gốc và quá trình hình thành cách điệu Hán Việt (1979) và

Giáo trình ngữ âm lịch sử tiếng Việt

(1995) của Nguyễn Tài Cẩn. Có thể nói, cho đến nay

, Ngữ âm gốc và quá trình hình thành cách

điệu

Hán Việt

là công trình nghiên cứu đầy đủ và hệ thống nhất về lịch sử ngữ âm tiếng Việt, trong đó “các quan hệ cơ sở ngữ pháp, quan hệ tiếp xúc giữa tiếng Việt với các ngôn ngữ thân thuộc, giữa tiếng Việt với tiếng Hán; những hình thức của tiếng Hán đối với tiếng Việt và các ngôn ngữ thiểu số khác ở Việt Nam... đã được chú ý phân tích bằng phương pháp nhất quán, đánh giá một cách hợp lý trong toàn bộ bối cảnh chung, khiến cho vấn đề được nhìn nhận và trình bày một cách toàn diện” (Vũ Đức Nghiệu, 2011).

Giáo trình lịch sử ngữ âm tiếng Việt (sơ thảo), 1995

cũng của Nguyễn Tài Cẩn, khảo sát ngữ âm gốc, diễn tiến của hệ thống ngữ âm tiếng Việt qua các giai đoạn, được các giới nghiên cứu trong nước và quốc tế đánh giá cao. Gần đây Trần Trí Dõi đã công bố các kết quả nghiên cứu về lịch sử ngữ âm tiếng Việt và các ngôn ngữ Việt - Mường, tập trung vào quá trình hình thành thanh điệu và các quy luật vô thanh hoá và mũi hoá, trong công trình

Một vài vấn đề nghiên cứu so sánh - lịch sử nhóm ngôn ngữ Việt - Mường

(2011)

,
đều bổ sung thêm một số nội dung mới cho việc nghiên cứu quan hệ cơ sở ngữ pháp và lịch sử ngữ âm của tiếng Việt và các ngôn ngữ cùng nhóm.

- Về lịch sử từ vựng tiếng Việt, đáng chú ý là các nghiên cứu của Vũ Đức Nghiệu và Lê Quang Thiêm, những người nổi bật, chuyên sâu với mảng đề tài này. Vũ Đức Nghiệu đã có loạt bài viết về các xu hướng diễn tiến của từ vựng tiếng Việt trong lịch sử

(Các mặt của từ vựng tiếng Việt và tách biệt trong một khuôn nhóm từ của tiếng Việt,

1999;

Một số học giả của xu thế dân tộc hoá và đa tộc hoá trong quá trình phát triển tiếng Việt , 2004;

Bộ sưu tập phát triển của từ vựng tiếng Việt nửa sau thế kỷ XX qua từ liệu của một số từ điển, (2009) và từ vựng tiếng Việt cổ trong các văn bản (

Một số điểm mới về từ vựng và ngữ pháp của tiếng Việt qua 3 văn bản bằng chữ quốc ngữ thế kỷ XVII,

2010

, Khảo sát các từ cổ trong ba văn bản chữ quốc ngữ thế kỷ XVII,

2010;

Vài khảo sát số từ vựng tiếng Việt cổ trong một số văn bản Nôm,

2011;

Từ vựng văn học giai đoạn tiếng Việt cổ: Một số điểm mới trong sự hình thành, phát triển , 2011). Công trình

Lịch sử khảo luận về từ vựng tiếng Việt

của tác giả được phát triển trên cơ sở tài liệu khoa học cùng tên (nghiên cứu năm 2009), khảo sát lịch sử từ vựng tiếng Việt một cách hệ thống theo cơ sở hai hướng lịch sử và đồng thời sử dụng công bố trong một ngày gần đây, chắc chắn là một đóng góp đáng kể cho việc nghiên cứu về lịch sử từ vựng tiếng Việt. Quan tâm đến lịch sử từ vựng tiếng Việt một thời kỳ gần đây hơn, thời kỳ cổ đại, Lê Quang Thiêm đã có nhiều bài viết về đề tài này (

Một số vấn đề ngôn ngữ văn bản “Đông Kinh Nghĩa Thục”

2001,

Bộ sưu tập của từ vựng xã hội – chính trị tiếng Việt 30 năm đầu thế kỷ XX (1900-1930) , 2001) và năm 2003 cho ra một chuyên khảo

Lịch sử từ vựng tiếng Việt

-

thời kỳ 1858-1845,

đồng thời là một tranh phong phú của từ vựng tiếng Việt ở một giai đoạn lịch sử đầy biến động.

- Về ngữ pháp lịch sử tiếng Việt, các nhà nghiên cứu ở Bộ môn/ Khoa Ngôn ngữ học tập trung chủ yếu vào địa hạt từ và một số hiện tượng ngữ pháp của các văn bản Nôm và quốc ngữ thế kỷ XV trở lại đây: Vũ Đức Nghiệu quan tâm đến ý nghĩa và chức năng của các hư từ trong các văn bản Nôm (

Đến bản trong ý nghĩa, chức năng của nhóm từ “không, chẳng, chớ” thế kỷ XV đến nay , 1986;

Hệ thống tiếng Việt thế kỷ XV trong Quốc âm thi tập và Hịch Đức quốc âm thi tập , 2006;

Hệ thống trong bài giới âm Truy cập trên mạng, 2010

) đồng thời cũng quan tâm đến vấn đề

Đến từ, đến từ hoá và đa từ, đa từ hoá trong quá trình phát triển lịch sử của tiếng Việt (2004

), Các từ từ vựng song từ từ ngữ tiếng Việt trong bài nghiên cứu một số ngôn ngữ Đông Nam Á (

1999). Đình Văn Đức chú ý đến hư từ và các hiện tượng ngữ pháp của tiếng Việt thế kỷ XVII – XIX (

Và nhà nghiên cứu về điểm mới ngữ pháp của các từ phụ cho đồng từ trong tiếng Việt qua một số văn

bản thảo kỷ XVII của giáo hội Thiên chúa giáo

, 1981;

Một vài nhận xét về các đặc điểm ngữ pháp của loại văn vần Việt thế kỷ XVII,

1983;

Điểm mới chung của cấu trúc cú pháp tiếng Việt qua một số văn bản chính quyền thế kỷ XVIII

, 2002;

Một trăm năm ngôn ngữ văn học Việt Nam,

2004

; Nhận xét về hình thức biến đổi của một số hình thức ngữ pháp tiếng Việt thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX qua các quan sát văn bản (Nôm và quốc ngữ

), 2011), cũng như những biến đổi về ngữ pháp của tiếng Việt trong thế kỷ XX, mà kết quả nghiên cứu thể hiện qua 4 đề tài khoa học (1997 – 2005) và giáo trình

Các bài giảng về lịch sử tiếng Việt

(thế kỷ XX), công bố năm 2005.

- Việc sưu tập nghiên cứu chủ yếu về văn bản cũng được biết đến chú ý, với các công trình nghiên cứu có giá trị về chủ đề Nôm và văn bản Nôm của Nguyễn Tài Cẩn (

Một số văn bản về chủ đề Nôm

, 1985;

Tập liệu truy cập Kênh: Bản Duy Minh Thơ

1872

, 2002;

Tập liệu truy cập Kênh: Tập bản Duy Minh Thơ đến bản Kênh Oánh Mẫu

, 2004), về chủ đề quốc ngữ và các văn bản chính quyền thế kỷ XVII-XVIII của Nguyễn Tài Cẩn và N. Stankievich (

Văn một số văn bản thế kỷ 17-18 và phát hiện về một kho tài liệu trữ tại Paris, 1982, 2001)

. Đoàn Thiệu Thu (

Le Quốc Ngữ dans un manuscrit de Bento Thier (17e- siecle,

1984

;

Chủ đề Quốc ngữ thế kỷ XVIII (sưu tập và chủ đề biên

n),

2008)

- Góc nhìn về lịch sử tiếng Việt là các văn bản lịch sử ngôn ngữ - văn hoá, xã hội tiếp xúc ngôn ngữ của tiếng Việt, thể hiện qua các bài viết của Hoàng Thơ Châu (

Mối liên hệ về nguồn gốc của chữ Đông Nam Á qua một vài tên sông,

1964

; Những Văn Lang và cách ngữ văn của nó qua các tài liệu ngôn ngữ học, 1968; Tìm hiểu về thể thơ đố trong truyền thuyết Hùng Vương,

1975), Nguyễn Tài Cẩn (

Một số chủ đề ngữ pháp ngôn ngữ và văn hoá

của Nguyễn Tài Cẩn, 2001 và nhiều bài viết khác), Trần Trí Dõi (

Ngôn ngữ và sự phát triển văn hoá xã hội

của Trần Trí Dõi, 2003 và nhiều bài viết khác).

- Việc nghiên cứu lịch sử Việt ngữ học cũng được chú ý với công trình 2 tập của
Nguyễn Thiệp Giáp
Lịch sử Việt ngữ học

,
T1
(2005),
Lịch sử Việt ngữ học
, T2 (2007), bước đầu tiếp cận một cách khá toàn diện lịch sử nghiên cứu tiếng Việt từ trước
đến nay.

5. CÁC NGHIÊN CỨU VỀ NGÔN NGỮ DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

□□□□□□□□□□

Ngôn ngữ các dân tộc thiểu số (DTTS) ở Việt Nam, cũng như mối quan hệ của chúng với tiếng
Việt và các ngôn ngữ khác trong khu vực cũng được các nhà ngôn ngữ học của Bộ môn/Khoa
nhất Trí Dõi, Hoàng Thụ Châu, Bùi Khánh Thụ, Đoàn Thiệp Thu, ... quan tâm nghiên cứu
hàng chục năm nay, với nhiều hướng nghiên cứu khác nhau.

- Hướng nghiên cứu tiếp cận quát về các ngôn ngữ DTTS ở Việt Nam, tiếp cận huân ngữ ngôn
ngữ để nghiên cứu về người, hiện trạng số dân, chính sách bảo tồn và phát triển: Công trình
đầy nhất đi theo hướng này cho đến nay là giáo trình
Nghiên cứu ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam
của Trí Dõi (1999), có nội dung tiếp cận trung vào các vấn đề địa lý - xã hội ngôn ngữ, quan hệ
hàng chục các ngôn ngữ DTTS và chính sách của nhà nước Việt Nam đối với các ngôn ngữ
này.

- Hướng đi sâu mô tả một ngôn ngữ DTTS cụ thể, tiếp cận huân ngữ ngôn ngữ, để tìm hiểu
thông tin cấu trúc hoặc hướng dẫn tiếp cận, đó là các công trình

Tiếng Dao
của Đoàn Thiệp Thu và các đồng tác giả (1992),
Tiếng Tày Nùng
của Đoàn Thiệp Thu (1996);
Những môn tiếng Thái ở Việt Nam: Tiếng Thái Đen vùng Tây Bắc
của Trí Dõi - Nguyễn Văn Hoà (2010),
Tiếng Thái cổ: Tiếng Thái Đen vùng Tây Bắc
của Trí Dõi - Nguyễn Văn Hoà (2010).

- Hướng nghiên cứu các mặt cấu trúc của các ngôn ngữ như mặt ngữ âm (Đoàn Thiệp
Thu):

Lịch sử ghi âm thanh điệu tiếng Mường Ngọc Lặc, 1966, Hướng tiếp cận ngữ âm tiếng Tày Nùng,
1972,
Hướng tiếp cận thanh điệu ngôn ngữ Sán Chí
, 2001; Hoàng Thụ Châu:
Hướng tiếp cận thanh điệu tiếng Chăm và cách ký hiệu

, 1986), tiếng (Đoàn Thị N Thu: Về kho tàng tiếng chung Việt – Tày, 1986, Bùi Khánh Th: *Từ điển ngôn ngữ - Việt*, 1995, *Từ điển Chăm - Việt*, 1995), ngữ pháp (Bùi Khánh Th với nhiều bài viết về ngữ pháp tiếng Chăm: 1981, 1984, 1985, 1990, v.v; Nguyễn Văn Hữu có nhiều nghiên cứu về ngữ pháp của tiếng Mông Lạ nh: 2004, 2006, *Văn học Toàn văn* *Giáo trình ngữ pháp thực hành tiếng Nùng*, 2010)

- Hội đồng nghiên cứu về quan hệ cộng đồng ngôn ngữ quan hệ tiếp xúc giữa các ngôn ngữ DTTS hoặc giữa các ngôn ngữ DTTS với tiếng Việt và các ngôn ngữ khác trong khu vực. Đây là mối quan tâm chủ yếu của Trần Trí Dõ (*Góp phần phân chia phương ngữ ngôn ngữ Chăm*, 1983), *Các ngôn ngữ thành phần nhóm Việt - Mường*, 1996; *Sự tiếp xúc văn hóa giữa Tày – Thái và Việt - Mường Việt Nam*, 2004; *Mối quan hệ giữa các ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo ở Đông Nam Á*, 2009...), Bùi Khánh Th (*Ngôn ngữ và văn hóa các dân tộc thiểu số từ góc nhìn quan hệ ngôn ngữ ở Việt Nam*, 1993; *Mối liên hệ giữa tiếp xúc ngôn ngữ Việt Nam với Đông Nam Á*, 1996) và gần đây là các nghiên cứu của Nguyễn Văn Hữu về *tiếp xúc ngôn ngữ giữa tiếng Hán và tiếng Mông ở Việt Nam* (2005, 2006, 2007).

- Hội đồng nghiên cứu về văn hóa, chủ viết các DTTS thể hiện qua bài báo của Trần Trí Dõ về chủ Thái: *Giới thiệu về chủ Thái Lai Pao của người Thái Tạng ngữ (Nghệ An)* (1997), *Chủ Thái của Tạng ngữ (Nghệ An) và những văn bản mới được phát hiện* (2000), *Chủ Lai Pao* (2001), v.v, và công trình giới thiệu *Tác phẩm Đông Hành và Bàn Đới Hí Tạng S'hoi thành Phần Tạng (Truyện thơ của người Dao Thanh Hóa, Trần Trí Dõ - Trần Phú Xuân - Trần Thị Nga, 2010).*

- Hội đồng nghiên cứu về chính sách ngôn ngữ văn hóa và giáo dục đối với các DTTS với các nghiên cứu của Trần Trí Dõ được công bố trong 3 quyển sách

Chính sách ngôn ngữ văn hoá dân tộc Việt Nam

(2003),

Thức tỉnh giáo dục ngôn ngữ ở vùng dân tộc miền núi ba miền phía bắc Việt Nam

(2004)

,
Thức tỉnh sự đổi mới ngôn ngữ của một số dân tộc thiểu số và vấn đề đặt ra cho giáo dục ngôn ngữ trong nhà trường Việt Bắc

(2006, viết chung với Nguyễn Văn Lộc), và hàng loạt các bài báo về vấn đề văn hóa, giáo dục của các dân tộc

Văn hoá truyền thống và vị trí địa lý và hệ thống dân tộc dân tộc Chăm, Thái, Tày và Nùng: thức tỉnh và những kiến nghị

, 2000,

Một vài nhận xét về giáo dục ngôn ngữ cho vùng dân tộc miền núi Việt Nam trong chặng đường 55 năm qua

, 2001,

Văn hoá truyền thống và vị trí địa lý và hệ thống dân tộc Việt Nam: Trường hợp dân tộc Thái

, 2002, v.v).

Có thể nói rằng mặc dù với điều kiện không nhiều nhưng các nhà nghiên cứu ngôn ngữ DTTS ở Bộ môn/Khoa đã gặt hái được khá nhiều thành tựu, có đóng góp lớn vào việc nghiên cứu ngôn ngữ các DTTS ở Việt Nam cũng như góp phần xây dựng các chính sách ngôn ngữ - văn hoá đối với các DTTS.



là một trong những thành quả quan trọng của quá trình đổi mới, phát triển khoa học và công nghệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam-Trung Quốc ở Đông Á và Đông Nam Á càng trở nên cấp thiết. Hội thảo quốc tế này nhằm tạo ra một diễn đàn học thuật, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và giảng dạy giữa các nhà khoa học, nhà giáo dục và nhà quản lý giáo dục ở Việt Nam, Trung Quốc và các quốc gia trong khu vực. Hội thảo cũng là dịp để các đại biểu tham gia trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa Việt Nam-Trung Quốc, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực này.

<http://vnu.edu.vn>

10.

Trang web của Khoa Ngôn ngữ học:

<http://ngonnguhoac.org>